TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 261 /2024/DS-ST
Ngày: 26/7/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giàu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

2. Ông Đoàn Văn Rỹ

-***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh*** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 128/2024/TLST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2024/QĐST-DS ngày 27/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam).

Địa chỉ: I P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D - Giấy ủy quyền ngày 05/9/2023. (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Bùi Thị Thanh T, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: E T, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 10/10/2022, Công ty T2 (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty T2) ký hợp đồng tín dụng số: 3741821 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Bùi Thị Thanh T

với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng. Sau khi ký kết, Công ty T2 đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Bùi Thị Thanh T. Theo hợp dồng tín dụng, bà Bùi Thị Thanh T có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là 2.027.038 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 15/11/2022 đến ngày 15/10/2024.

Tuy nhiên, sau khi được giải ngân, từ ngày 11/6/2023 bà Bùi Thị Thanh T đã thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty T2 đã giải ngân. Công ty T2 đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Bùi Thị Thanh T thực hiện nghĩa vụ hợp đồng. Đồng thời Công ty T2 cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà Bùi Thị Thanh T biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Bùi Thị Thanh T vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty T2.

Tính đến ngày 26/7/2024, bà Bùi Thị Thanh T đã trễ hạn không thanh toán các khoản tiền như sau: Số dư nợ gốc chưa thanh toán: 27.575.005 đồng, số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi phát sinh trong hạn): 11.529.419 đồng, số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (lãi phạt gốc): 8.397.030 đồng, số tiền lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán (lãi chậm trả): 976.124 đồng. Tính đến ngày 26/7/2024 tổng số tiền bà Bùi Thị Thanh T phải tất toán là: 48.477.578 đồng.

Nay Công ty T2 đề nghị buộc bà Bùi Thị Thanh T thanh toán toàn bộ khoản vay cho Công ty T2 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2024 là 48.477.578 đồng. Đồng thời, thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 27/7/2024 cho đến khi hoàn tất việc thanh toán xong khoản vay.

Bị đơn trình bày: Bà T thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng và đã nhận giải ngân đủ số tiền như ngân hàng trình bày. Bà T thừa nhận do khó khăn về kinh tế nên chưa thanh toán tiền cho ngân hàng. Bà T đề nghị được giảm số tiền lãi để có khả năng thanh toán nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ pháp luật không vi phạm tố tụng. Yêu cầu của Công ty T2 là có căn cứ theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của Công ty T2 thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại Quận H nên theo quy định của các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật

Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Công ty T2 và bà T có thỏa thuận tại đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3741821 ngày 07/10/2022, khoản vay là 30.000.000 đồng. Thời hạn vay là 24 tháng. Bà T có trách nhiệm trả số tiền vay và lãi từng kỳ theo thỏa thuận của hợp đồng. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017 thì tổ chức tín dụng và bên vay có quyền thỏa thuận về lãi suất vay nên hợp đồng vay giữa Công ty T2 và bà T đúng quy định của pháp luật. Nghĩa vụ của bên vay phải trả đủ tiền khi đến hạn nhưng bà T không thanh toán. Tính đến ngày 26/7/2024, bà T còn nợ Công ty T2 số tiền 48.477.578 đồng. Bà T thừa nhận việc vay tiền và còn nợ Công ty T2 số tiền 48.477.578 đồng. Việc bà T đề nghị được giảm tiền lãi là không phù hợp thỏa thuận tại tại mục 8 của hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, việc Công ty T2 yêu cầu bà T phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cùng với tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại án lệ số 08/2016/AL quy định: "Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay". Như vậy, bà T phải tiếp tục trả tiền lãi tính kể từ ngày 27/7/2024 cho Công ty T2 trên số nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn tại hợp đồng tín dụng.

[5] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;

- Căn cứ vào Án lệ số 08/2016/AL công bố ngày 17/10/2016;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 (Việt Nam).

1.1. Bà Bùi Thị Thanh T phải thanh toán cho Công ty T2 (Việt Nam) số tiền tính đến ngày 26/7/2024 là 48.477.578 (Bốn mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi tám) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/7/2024, bà T còn phải trả số tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T2 (Việt Nam) thì lãi suất mà bà T phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với lãi suất của Công ty T2 (Việt Nam).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Bùi Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.423.879 (Hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi chín) đồng.

2.2. Công ty T2 (Việt Nam) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 849.466 (T1 trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm sáu mươi sáu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0010995 ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014), người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP . HCM.
- VKSND Q8.
- Chi cục Thi hành án dân sự Q8.
- Các đương sự.
- Lưu:VT, hs.

Lê Văn Giàu